

# VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NHÂN VIÊN HỖ TRỢ GIÁO DỤC NGƯỜI KHUYẾT TẬT ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ HỖ TRỢ GIÁO VIÊN TRONG CÁC HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC GIÁO DỤC HỌC SINH KHUYẾT TẬT

TRẦN THỊ BÍCH NGỌC\*

Ngày nhận bài: 17/08/2017; ngày sửa chữa: 18/10/2017; ngày duyệt đăng: 19/10/2017.

**Abstract:** Eventhough the terms used to imply about educational support workers for persons with disabilities are various in around the world, the main task of education support staff should support and advocate teachers in taking care and educating children with disabilities at schools, which extend the highest potential of children. Therefore, this article delivers some specific tasks and responsibilities of the educational support workers following up the regulated missions of taking care and educating children with disabilities.

**Keywords:** Educational support worker, inclusive education, children with disabilities, teacher.

## 1. Mở đầu

Theo số liệu của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, năm 1996 cả nước mới có 42.000 trẻ khuyết tật được đi học, nhưng đến năm 2015, đã có hơn 500.000 trẻ khuyết tật được đến trường, tăng lên 10 lần qua hơn 20 năm thực hiện giáo dục hòa nhập tại Việt Nam [1]. Để đáp ứng được số lượng lớn học sinh khuyết tật (HSKT) đi học và để nâng cao chất lượng giáo dục hòa nhập, cần có đội ngũ nhân viên hỗ trợ (NVHT) cùng làm việc với giáo viên (GV) để thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục và dạy học HSKT.

NVHT giáo dục người khuyết tật (GDNKT) là một tên gọi cho vị trí chức danh nghề nghiệp lần đầu tiên được đưa vào **Luật Người Khuyết tật 2010**. Thông tư liên tịch số 19/2016/TTLT-BGDĐT-BNV [2] của Bộ GD-ĐT và Bộ Nội vụ tháng 6/2016 đã quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với NVHT GDNKT trong các cơ sở giáo dục công lập. Thông tư liên tịch này đã quy định rất rõ nhiệm vụ của NVHT, đó là: a) Thực hiện chương trình, kế hoạch hỗ trợ GDNKT theo yêu cầu và quy định của đơn vị; b) Tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân cho người khuyết tật; c) Hỗ trợ người khuyết tật học tập và rèn luyện kỹ năng đặc thù, kỹ năng sống phù hợp với khả năng và nhu cầu của người khuyết tật; d) Hỗ trợ GV trong các hoạt động chăm sóc, GDNKT; đ) Tham gia huy động người khuyết tật đến trường học tập; e) Hỗ trợ, tư vấn cho gia đình người khuyết tật và cộng đồng về kiến thức, kỹ năng chăm sóc, GDNKT...

Bài viết này đề cập đến nhiệm vụ của NVHT, đó là hỗ trợ GV trong các hoạt động chăm sóc, GDNKT trong nhà trường phổ thông, nội dung gồm có: các thuật ngữ liên quan đến NVHT GDNKT, vai trò và trách nhiệm cụ thể của NVHT GDNKT.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Các thuật ngữ trên thế giới có liên quan đến “NVHT”

Thuật ngữ để chỉ “GDNKT, NVHT GDNKT” được sử dụng khác nhau ở mỗi quốc gia và thậm chí là các bang khác nhau của cùng một quốc gia cũng có tên gọi khác nhau cho vị trí này. Ở Mỹ, thuật ngữ *paraprofessionall* là rất phổ biến, tuy nhiên trong nhiều văn bản và các nghiên cứu về đội ngũ GDNKT và NVHT GDNKT ở Mỹ cũng xuất hiện các thuật ngữ như *paraeducator* và *teacher assistant* (GV hỗ trợ và trợ giảng). Ở Anh, thuật ngữ *teacher assistant* cũng thường được sử dụng. Ở các bang khác nhau của Australia cũng gọi tên khác nhau cho vị trí này như ở Bang Victoria thì thường được gọi là *integration aide* (NVHT hòa nhập), còn ở bang Queensland thì lại được gọi là *Teacher aids* (người trợ giúp cho GV). Ngay cả ở các nước châu Âu, việc sử dụng các thuật ngữ này cũng không đồng nhất. Ví dụ như ở Hi Lạp, NVHT giáo dục được gọi là *special/support teacher* (GV hỗ trợ/GV đặc biệt) là những người tạo điều kiện chính để xóa bỏ những rào cản và thực hiện các tiếp cận nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của học sinh (HS) [3]. Các quốc gia khác như Ireland thì NVHT được gọi là *Educational Support Worker* - thuật ngữ này hiện nay cũng được Việt Nam sử dụng và đưa vào các văn bản dịch thuật chính thức cho tên gọi của vị trí NVHT GDNKT, ... Tuy tên gọi khác nhau, nhưng những thuật ngữ đã được dùng cho cùng một vị trí là “NVHT GDNKT” đều liên quan đến GV (teacher) và hỗ trợ (assistant, support). Như vậy, mặc dù với tên gọi nào đi nữa thì vai trò trọng yếu của NVHT GDNKT trong trường học đó là hỗ trợ GV thực hiện công tác giáo dục và chăm sóc cho trẻ khuyết tật trong và ngoài lớp học.

\* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

## **2.2. Một số nghiên cứu về NVHT GDNKT trên thế giới**

Ở nhiều quốc gia, việc sử dụng các NVHT GDNKT ngày càng phổ biến và thâm chí theo Rutherford, NVHT đã trở thành “Giải pháp cho giáo dục hòa nhập” [4; tr 760]. Trong nghiên cứu của Giangreco, Carter, Doyle và Suter đã cho thấy, GV mong muốn có NVHT trong các lớp học có HSKT. GV hài lòng với công việc của mình hơn và cảm thấy được giảm áp lực công việc. Khối lượng công việc của GV sẽ được giảm xuống vì NVHT có thể quán xuyến các vấn đề hành chính [5]. Nghiên cứu của Webster và cộng sự (2010) cũng cho rằng, khi lớp học có NVHT sẽ giảm các hành vi của HS trong lớp học.

Một nguyên nhân khác lí giải việc tại sao GV lại mong muốn có NVHT trong lớp học đó là hầu hết các GV phổ thông chưa có các kiến thức và kĩ năng tốt để dạy học cho HSKT. Nhiều nghiên cứu đã cho thấy, bản thân GV cảm thấy họ không có đủ chuyên môn để dạy học cho HSKT đặc biệt là HS có giao tiếp hạn chế, các hành vi thách thức hoặc các kĩ năng xã hội chưa phù hợp như trẻ rối loạn phổ tự kỉ.

Theo nghiên cứu của Giangreco, Webster & Blatchford [6], [7], ban đầu nhiệm vụ của những NVHT là hỗ trợ hành chính cho GV như chuẩn bị tài liệu dạy học, giám sát HS khi ở sân chơi và chăm sóc cá nhân, hỗ trợ về quản lí hành vi và hỗ trợ các vấn đề quan hệ xã hội cho trẻ, tuy nhiên càng ngày vai trò của họ trong việc dạy học càng gia tăng. Các NVHT GDNKT có thể được phân công hỗ trợ một GV và lớp học hoặc là chỉ hỗ trợ một cá nhân HS nào đó. Đối với những HS có khuyết tật nặng hơn hoặc có nhiều những khó khăn về hành vi hơn sẽ càng cần nhiều hỗ trợ hơn.

Ở Mỹ, trong Đạo luật “Không trẻ nào bị bỏ quên” (*No Child Left Behind Act 2002*) đã quy định rất rõ về mức độ chuyên môn tối thiểu của NVHT GDNKT (paraprofessionals) ở các trường công lập. Đó là những NVHT cần phải hoàn thành hai năm học tại một học viện hoặc trường đại học; hoặc có thể vượt qua một kì sát hạch kiến thức chính thức của bang hoặc địa phương đó, có kiến thức và khả năng hỗ trợ các vấn đề về học vấn của HS như đọc, viết, tính toán và kĩ năng giảng dạy [8].

Trách nhiệm của GV đó là xây dựng kế hoạch dạy học, thực hiện và đánh giá việc học tập của HS, vai trò của NVHT trong lớp học hòa nhập đó là hỗ trợ GV thực hiện các trách nhiệm nêu trên. Cả GV và NVHT cần phải tạo điều kiện cho việc hòa nhập HSKT. Đó là vai trò chung để khuyến khích HS trở thành những cá nhân độc lập và trở thành thành viên của lớp học, trường học và cộng đồng. Để thúc đẩy một mối quan hệ hợp tác, tôn trọng, NVHT cần phải nhận thức được những trách nhiệm cụ thể của GV. Tương tự như vậy, GV cũng cần biết nhiệm vụ cụ thể và từng trách nhiệm của NVHT GDNKT trong lớp học hòa

nhập. Để tạo ra sự hỗ trợ cho HSKT, GV và NVHT cần phải làm việc với nhau và cùng chia sẻ trách nhiệm để: xây dựng một mối quan hệ tôn trọng, tích cực; đáp ứng chuẩn chuyên môn và đạo đức trong mối quan hệ với HS, phụ huynh HS và đồng nghiệp; ủng hộ cho các điều kiện mang lại thành công cho HSKT; ủng hộ cho việc tuân thủ luật pháp và quyền của HS và gia đình trẻ; tuân thủ các quy định, hướng dẫn của nhà trường và của các đơn vị chủ quản để bảo vệ sự an toàn và phát triển của trẻ; duy trì mối quan hệ tích cực, hỗ trợ, chuyên nghiệp trong nhà trường. Do vậy, phần nội dung tiếp sau đây sẽ nói về vai trò và trách nhiệm cụ thể và trách nhiệm chung của NVHT nhằm hỗ trợ GV trong dạy học và giáo dục HSKT

## **2.3. Nhiệm vụ của NVHT GDNKT quy định trong các văn bản pháp quy**

Tên gọi chức danh về NVHT GDNKT được đưa ra lần đầu tiên trong **Luật Người khuyết tật** năm 2010, điều 29, trong đó quy định việc được tham gia đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn của đội ngũ NVHT GDNKT và được hưởng theo chế độ chính sách của Nhà nước theo quy định. Tuy nhiên, tại thời điểm đó, Nhà nước chưa có những văn bản cụ thể hướng dẫn việc sử dụng đội ngũ này.

Hiện chức danh nghề nghiệp của đội ngũ NVHT GDNKT đã được quy định trong Thông tư liên tịch số 19/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 22/6/2016 về Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh NVHT GDNKT trong các cơ sở giáo dục công lập. Điều 3 Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp NVHT giáo dục đã quy định nhiệm vụ của đội ngũ này là:

- 1) Thực hiện chương trình, kế hoạch hỗ trợ GDNKT theo yêu cầu và quy định của đơn vị;
- 2) Tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân cho người khuyết tật;
- 3) Hỗ trợ người khuyết tật học tập và rèn luyện kĩ năng đặc thù, kĩ năng sống phù hợp với khả năng và nhu cầu của người khuyết tật;
- 4) Hỗ trợ GV trong các hoạt động chăm sóc, GDNKT;
- 5) Tham gia huy động người khuyết tật đến trường học tập;
- 6) Hỗ trợ, tư vấn cho gia đình người khuyết tật và cộng đồng về kiến thức, kĩ năng chăm sóc, GDNKT.

Mặc dù Nhà nước ta đã có những quy định rất rõ ràng về nhiệm vụ của đội ngũ NVHT, tuy nhiên chưa có các quy định cụ thể về từng nhiệm vụ của đội ngũ NVHT GDNKT, ví dụ như hỗ trợ GV trong các hoạt động chăm sóc GDNKT là hỗ trợ những gì cho GV, NVHT GDNKT cần phải làm những công việc gì, cần có những điều kiện gì để hoàn thành nhiệm vụ đó. Do vậy, việc triển khai xây dựng và phát triển đội ngũ NVHT GDNKT hiện còn đang rất lúng túng, chưa có sự thống nhất.

Dựa trên những chỉ đạo của Nhà nước ta về việc phát triển và xây dựng đội ngũ NVHT GDNKT, dựa trên các điều kiện hiện có trong các nhà trường phổ thông hiện nay, một số gợi ý gợi mở cho việc phân công vai trò và nhiệm vụ hỗ trợ GV của đội ngũ NVHT GDNKT.

**2.4. Vai trò và nhiệm vụ của NVHT GDNKT hỗ trợ GV trong các hoạt động chăm sóc và giáo dục HSKT**

NVHT GDNKT là người làm việc với những HS có nhu cầu đặc biệt nói chung và HSKT nói riêng theo kế hoạch giáo dục cá nhân (KHGDCN) và cần phải hỗ trợ trẻ ở những khía cạnh sau: chăm sóc, dạy kỹ năng xã hội, quản lý hành vi và các chức năng nhận thức. Mỗi một khía cạnh, đòi hỏi NVHT phải có rất nhiều những vai trò như sau:

**2.4.1. Hỗ trợ chăm sóc cá nhân.** Để thực hiện được nhiệm vụ hỗ trợ GV chăm sóc và GDNKT, đội ngũ NVHT GDNKT cần phải có những nhiệm vụ như sau: - Đáp ứng những nhu cầu chăm sóc cho HS như: ăn, mặc quần áo, đi vệ sinh,...; - Hỗ trợ HS di chuyển như nâng HS lên, chuyển chỗ cho HS, tập vận động và giúp HS di chuyển khi lên hoặc xuống các phương tiện giao thông công cộng hoặc những hỗ trợ vận động đã được đề ra trong kế hoạch giáo dục cá nhân; - Tiến hành các thủ tục hành chính cho HSKT trong việc thăm, khám sức khỏe dưới sự giám sát của hiệu trưởng theo các chính sách của địa phương; - Tạo một môi trường an toàn và lành mạnh tôn trọng nhân phẩm và sự riêng tư của HSKT; - Hỗ trợ HSKT tham gia các hoạt động cộng đồng; - Thúc đẩy và khuyến khích sự độc lập và tự quản của HSKT để phát triển tốt nhất.

**2.4.2. Hỗ trợ kỹ năng xã hội.** Một phần quan trọng trong vai trò của NVHT đó là tạo điều kiện cho việc hòa nhập HSKT không chỉ trong lớp học và trong trường học mà còn trong cộng đồng. Để hoàn thành vai trò này, NVHT GDNKT phải: - Sử dụng các chiến lược và kỹ thuật phù hợp tại các bối cảnh khu vực khác nhau để hỗ trợ sự phát triển các kỹ năng xã hội; - Sử dụng các phương pháp phù hợp nhằm gia tăng lòng tự trọng của HS, với mục tiêu nhằm giúp HS phát triển các kỹ năng tự kiểm soát, tự ủng hộ; - Sử dụng và khuyến khích các hỗ trợ từ các nhóm bạn và các hỗ trợ tự nhiên khác theo các hoạt động.

**2.4.3. Hỗ trợ hành vi.** NVHT GDNKT làm việc với những HS có các vấn đề về hành vi đã được đề cập đến trong KHGDCN. Do vậy, những NVHT cần phải: - Hỗ trợ việc thực hiện các chiến lược quản lý hành vi đã được nêu trong KHGDCN; - Hỗ trợ phát triển các kỹ năng nhằm tạo ra các thay thế phù hợp đối với các hành vi không mong đợi (hành vi thay thế); - Áp dụng thêm các chiến lược can thiệp khủng hoảng không bạo lực, khi cần thiết, sử dụng phù hợp các kỹ thuật hạn chế về thể chất khi gia đình đồng ý trong KHGDCN; - Khi được yêu cầu, NVHT GDNKT sẽ ghi chép các thông tin về việc thực hiện nhiệm vụ bài học của HS để đảm bảo dữ liệu được chính xác và sẵn sàng để cho GV và các chuyên gia khác sử dụng; - Hỗ trợ GV quản lý môi trường học tập để hỗ trợ những thay đổi tích cực về hành vi và bầu không khí học tập tích cực cho tất cả HS.

**2.4.4. Hỗ trợ chức năng nhận thức.** NVHT GDNKT nên thường xuyên đưa ra những gợi ý, kiến nghị liên quan đến

việc phản ứng của HS đối với một bài học cụ thể và mức độ hỗ trợ mà HS cần để hoàn thành nhiệm vụ. Với vai trò hỗ trợ nhận thức, NVHT nên thực hiện các nhiệm vụ như sau: - Hỗ trợ GV thực hiện các mục tiêu trong Kế hoạch giáo dục cá nhân, thông qua việc sử dụng các chiến lược phù hợp với lứa tuổi và sự phát triển của HS, các trang thiết bị và đồ dùng dạy học, công nghệ; - Hỗ trợ GV điều chỉnh các chiến lược và chuẩn bị tài liệu dạy học theo nhu cầu của HS; - Thực hiện các kế hoạch viết và nói của GV, cần làm rõ khi cần và đưa ra các phản hồi dựa trên quan sát HS; - Được yêu cầu thực hiện việc sử dụng các phương pháp nhằm hỗ trợ HS đạt được kiến thức và mức độ độc lập.

Nhằm tạo điều kiện để hiểu rõ hơn về nhiệm vụ cụ thể của NVHT và GV trong lớp học hòa nhập HSKT, hãy xem **bảng 1:**

**Bảng 1. Nhiệm vụ cụ thể của NVHT và GV trong lớp học hòa nhập HSKT**

	GV	NVHT
Lập kế hoạch	Xây dựng KHGDCN cho HSKT, xác định mục tiêu giáo dục cho trẻ, xác định mức độ và phương thức điều chỉnh.	Thu thập thông tin từ HS hoặc phân hồi của HS; chia sẻ các thông tin có liên quan đến trẻ về mức độ thực hiện học tập, vấn đề hành vi của HS.
Tổ chức lớp học	- Lập thời gian biểu cho cả tuần học - Lập kế hoạch dạy học và kế hoạch tổ chức các hoạt động dạy học cho cả lớp - Lập kế hoạch, sắp xếp môi trường vật chất của lớp học và các khu vực học tập - Cùng với NVHT xem xét KHGDCN thường xuyên	- Giúp GV tiến hành bài học theo kế hoạch đã được lập - Giúp HS di chuyển chỗ ngồi khi cần thiết - Ghi nhớ KHGDCN và hỗ trợ GV thực hiện - Giám sát không gian và cấu trúc môi trường vật chất của lớp học
Đánh giá	- Chuẩn bị cho nhiệm vụ đánh giá kết quả học tập của tất cả HS - Đánh giá về tiến bộ của HS thường xuyên ghi chép cẩn thận mọi thông tin liên quan đến HS kể cả những kỹ năng nào mà HS có thể làm được mà không cần hỗ trợ - Đánh giá sự tiến bộ của HS kể cả theo cá nhân hoặc theo nhóm	- Thu thập dữ liệu, thông tin của HS qua quan sát hoạt động hàng ngày : thực hiện lịch trình hoạt động, mức độ độc lập khi thực hiện các nhiệm vụ, tương tác xã hội và các hành vi - Ghi chép các nhận xét của GV một cách chi tiết vào sổ GV - Cung cấp cho GV phản hồi từ phía HS
Dạy học	Có trách nhiệm dạy học cho tất cả HS	Hỗ trợ GV thực hiện chương trình dạy học cho cá nhân HS có nhu cầu giáo dục đặc biệt
Quản lý hành vi	- Lập kế hoạch can thiệp hành vi không mong đợi và hỗ trợ, khuyến khích hành vi tích cực cho cả lớp và cho HSKT - Luôn gương mẫu	- Giúp GV thực hiện can thiệp hành vi không mong đợi bằng cách sử dụng những kỹ thuật và phương pháp như đã được thống nhất - Giám sát HS khi HS ra ngoài lớp trong giờ học - Khi cần thiết có thể di chuyển những HS có hành vi câu giân và gây ảnh hưởng đến trẻ khác ra chỗ khác - Giúp xây dựng và tiến hành chương trình quản lý hành vi - Luôn gương mẫu
Thúc đẩy tinh thần đồng đội	- Lập kế hoạch thực hiện giao tiếp tích cực hợp tác với NVHT - Thảo luận, cùng đánh giá về các mục tiêu với NVHT - Quyết định nhiệm vụ của NVHT	- Luôn tích cực trong giao tiếp với GV - Chia sẻ những ý tưởng, ý kiến với GV - Thực hiện theo đúng nhiệm vụ được phân công
Trang thiết bị/đồ dùng dạy học	Quyết định sử dụng thiết bị/đồ dùng dạy học nào để đạt được mục tiêu	Hỗ trợ chuẩn bị và sử dụng đồ dùng dạy học cho HS
Tổ chức các hoạt động ngoại giờ lên lớp	Lên kế hoạch và tổ chức các hoạt động, lựa chọn địa điểm phù hợp cho các hoạt động ngoại khóa	Hỗ trợ GV thực hiện các hoạt động ngoại khóa đó là di chuyển HS từ trường đến địa điểm ngoại khóa, giám sát và hỗ trợ chuyển đi

Tên đây là vai trò trợ giúp và hỗ trợ cho GV mà NVHT GDNKT có thể thực hiện trong việc chăm sóc giáo dục cho HSKT. Bên cạnh đó, NVHT GDNKT có thể có các vai trò linh hoạt khác khi giải quyết các vấn đề trên lớp và ngoài lớp học hòa nhập: tư vấn, trao đổi với HS, phụ huynh HS về việc học tập và tâm lí của HSKT,.... Những nhiệm vụ khác nhau của NVHT kể trên chỉ được xem là các nhiệm vụ hỗ trợ trong lớp học GDNKT, còn đối với các môi trường khác nhau và trong những bối cảnh khác nhau đòi hỏi NVHT phải có những nhiệm vụ cụ thể khác nhau.

### 3. Kết luận và khuyến nghị

NVHT GDNKT cho HSKT cần được xác định rõ về vai trò và nhiệm vụ cụ thể, từ đó như một định hướng và hướng dẫn giúp cho các trường phân công và sử dụng nhân sự hiệu quả và hợp lí. Không những vậy, điều này còn giúp cho chính bản thân những GV và NVHT GDNKT thực hiện tốt hơn vai trò của mình và cùng phối kết hợp hiệu quả và tích cực nhằm đạt được mục tiêu cao nhất trong GDNKT là đem lại cơ hội công bằng trong giáo dục cho HSKT tạo điều kiện phát triển tốt nhất, chuẩn bị cho trẻ bước vào cuộc sống hòa nhập sau này.

Để đội ngũ NVHT GDNKT thực hiện được vai trò và nhiệm vụ hỗ trợ GV chăm sóc và giáo dục cho người khuyết tật đã được đề ra, Nhà nước ta cần xác định cụ thể những nhiệm vụ của đội ngũ NVHT GDNKT, cần xây dựng cơ chế đánh giá việc sử dụng đội ngũ này cho phù hợp và tạo điều kiện thực hiện các chính sách nhằm thúc đẩy sự phát triển của đội ngũ NVHT GDNKT có chất lượng cao về năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp. □

### Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2016). *Báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện Giáo dục hòa nhập ở Việt Nam*.
- [2] Bộ GD-ĐT và Bộ Nội vụ (2016). *Thông tư liên tịch số 19/2016/TTLT-BGDĐT-BNV, ngày 22/6/2016 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục công lập*.
- [3] Patricia E. Bourke (2009). *Professional development and teacher aides in inclusive education contexts: where to from here?*. International Journal of Inclusive Education Vol. 13, No. 8, December 2009, 817-827, DOI: 10.1080/13603110802128588.
- [4] Rutherford, G. (2012). *In, out or somewhere in between? Disabled students' and teacher aides' experiences of school*. International Journal of Inclusive Education, 16(8), 757-774.
- [5] Giangreco, M. F., Suter, J. C., & Doyle, M. B. (2010). *Paraprofessionals in inclusive schools: A review of recent research*. Journal of Educational and Psychological Consultation, 20(1), 41-57
- [6] Michael F. Giangreco (2013). *Teacher Assistant Supports in Inclusive Schools: Research, Practices and Alternatives*. Australasian Journal of Special Education March 2013, pp 1 14 DOI: 10.1017/jse.2013.1.

[7] Webster, R. - Blatchford, P. (2015). *Worlds apart? The nature and quality of the educational experiences of pupils with a statement for special educational needs in mainstream primary schools*. British Educational Research Journal, 41(2), 324-34.

[8] Luật “Không bỏ trẻ nào lại phía sau”, Hoa Kỳ - No Child Left Behind Act 2002.

[9] Radford, J. - Bosanquet, P. - Blatchford, P., - Webster, R (2015). *Scaffolding instruction for children with special educational needs: clarifying teacher and TA roles in the classroom*. Anastasia Vlachou, Eleni Didaskalou and Maria Konto fryou (2015). *Roles, duties and challenges of special/support teachers at secondary education: implications for promoting inclusive practices*. European Journal of Special Needs Education, 2015 Vol. 30, No. 4, 551-564.

[10] Nguyễn Xuân Hải. *Nghiên cứu mô hình hoạt động của nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật ở Việt Nam*. Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt, kì 2 tháng 6/2016, tr 12-15.

[11] Department of Education, Canada (2005). *Teachers and Support Staff working together Standards and Guidelines*.

## Thực trạng việc dạy học môn Toán...

(Tiếp theo trang 26)

*diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.*

[2] Sở GD-ĐT tỉnh Sơn La (2016). *Báo cáo thống kê năm học 2016 - 2017*.

[3] Lê Thị Mỹ Hà (chủ biên) - Nguyễn Hải Châu - Nguyễn Ngọc Tú (2014). *Tài liệu tập huấn Pisa 2015 và các dạng câu hỏi do OECD phát hành trong lĩnh vực toán học*. Bộ GD-ĐT.

[4] Nguyễn Thị Phương Hoa (chủ biên) - Vũ Hải Hà (đồng chủ biên) - Nguyễn Thị Thu Hà - Trần Hoàng Anh - Vũ Thị Kim Chi - Vũ Bảo Châu (2014). *PISA và những vấn đề giáo dục Việt Nam, tập 1 - Những vấn đề chung về PISA*. NXB Đại học Sư phạm.

[5] Trần Luận (2011). *Về cấu trúc năng lực học của học sinh*. Kỷ yếu hội thảo quốc gia về giáo dục toán học ở trường phổ thông. NXB Giáo dục Việt Nam, tr 87-100.

[6] Bùi Văn Nghị - Nguyễn Tiến Trung - Hoàng Ngọc Anh - Đỗ Thị Trinh (2016). *Dạy học hình học ở trường Trung học phổ thông theo hướng giúp học sinh kiến tạo tri thức*. NXB Giáo dục Việt Nam.

[7] Nguyễn Bá Kim (2015). *Phương pháp dạy học môn Toán*. NXB Đại học Sư phạm.

[8] Bùi Văn Nghị (2008). *Giáo trình phương pháp dạy học những nội dung cụ thể môn Toán*. NXB Đại học Sư phạm.

[9] Bùi Văn Nghị (2009). *Vận dụng lí luận vào thực tiễn dạy học môn toán ở trường phổ thông*. NXB Đại học Sư phạm.

[10] Bộ GD-ĐT (2017). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể*.